

ĐỀ ÔN NGHỈ DỊCH MÔN TOÁN VÀ TIẾNG VIỆT KHỐI 2

TUẦN 2 - THÁNG 4

NỘI DUNG ÔN

I/ LÝ THUYẾT

*** Môn Toán : Ôn từ tuần 1 đến tuần 20.**

+ Ôn các dạng toán đã học ở SGK và VBTT .

(SGK ,từ trang 3 -> trang 101)

+ Học thuộc lòng các bảng cộng (trang 38), bảng trừ (trang 69),trừ có nhớ, không nhớ đã học. Học các bảng nhân 2 đến nhân 5

+ Rèn luyện kĩ năng tính toán nhanh, chính xác các phép tính +,- có nhớ ,không nhớ trong phạm vi 100.

+ Nắm các dạng toán tìm số hạng; số bị trừ; số trừ.

+ Nắm các dạng toán giải có lời văn.

+ Nắm các dạng toán có cùng hai dấu tính trong bài .

$$\begin{aligned}\text{VD: } 14+23-5 &= 37 - 5 \\ &= 32\end{aligned}$$

+ Đổi các đơn vị đo. (VD: 1 chục = ? ; 1dm=...cm; 1dm 4cm =.....cm và ngược lại)

+ Nắm các dạng toán về ngày,giờ ; xem đồng hồ; xem lịch.

+ Nắm các dạng toán về hình học

*** Môn Tiếng Việt: Ôn tập từ tuần 1 đến tuần 20**

1. Đọc tiếng:

+ Luyện đọc trôi chảy, to rõ và trả lời câu hỏi các bài tập đọc đã học ở SGK.

2. Đọc hiểu:

- Các em làm bài có thể trên giấy.Hình thức trắc nghiệm và tự luận (Đề ôn sẽ ra các bài tập đọc trong SGK, các em đọc ,hiểu và khoanh vào câu trả lời đúng nhất .

3. Luyện từ và câu: - Ôn từ tuần 1 đến tuần 20.

+ Nhận biết các mẫu câu đã học: Ai là gì? Ai làm gì? Ai thế nào? Khi nào?

+ Đặt và trả lời câu hỏi theo các mẫu câu: Ai là gì? Ai làm gì? Ai thế nào? Khi nào?

+ Ghi đúng dấu chấm, dấu chấm hỏi, dấu phẩy phù hợp trong câu.

4. Chính tả : - Ôn tập từ tuần 1 -> tuần 20.

5. Tập làm văn: - Ôn các bài tập làm văn đã học. (tuần 1 -> tuần 20).

II/ BÀI TẬP

A. TIẾNG VIỆT

I- Bài tập về đọc hiểu

I. Đọc văn bản sau:

CÒ VÀ VẠC

Cò và Vạc là hai anh em, nhưng tính nết rất khác nhau. Cò ngoan ngoãn, chăm chỉ học tập, được thầy yêu bạn mến. Còn Vạc thì lười biếng, không chịu học hành, suốt ngày chỉ rứt đầu trong cánh mà ngủ. Cò khuyên bảo em nhiều lần, nhưng Vạc chẳng nghe. Nhờ siêng năng nên Cò học giỏi nhất lớp. Còn Vạc thì chịu dốt. Sợ chúng bạn chê cười, đêm đến Vạc mới dám bay đi kiếm ăn.

Ngày nay lật cánh Cò lên, vẫn thấy một dúm lông màu vàng nhạt. Người ta bảo đấy là quyen sách của Cò. Cò chăm học nên lúc nào cũng mang sách bên mình. Sau những buổi mò tôm bắt ốc, Cò lại đậu trên ngọn tre giờ sách ra đọc.

Truyện cổ Việt Nam

Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng hoặc làm theo yêu cầu cho mỗi câu hỏi dưới đây:

Câu 1: Trong câu truyện trên gồm có mấy nhân vật ? (0, 5 điểm)

- a. Một nhân vật: Cò
- b. Hai nhân vật: Cò và Vạc
- c. Ba nhân vật: Cò, Vạc, Sáo

Câu 2: Cò là một học sinh như thế nào ? (0, 5 điểm)

- a. Lười biếng.
- b. Chăm làm.
- c. Ngoan ngoãn, chăm chỉ.

Câu 3: Vạc có điểm gì khác Cò ? (0, 5 điểm)

- a. Học kém nhất lớp.
- b. Không chịu học hành.
- c. Hay đi chơi.

Câu 4: Vì sao Vạc không dám bay đi kiếm ăn vào ban ngày ? (0, 5 điểm)

- a. Sợ trời mưa.
- b. Sợ bạn chê cười.
- c. Cả 2 ý trên .

II. Bài tập về Chính tả, Luyện từ và câu, Tập làm văn

1. a) Gạch dưới chữ viết sai chính tả (s /x) rồi chép lại từng câu cho đúng:

(1) Bé xay xua đứng ngắm hoa xúng nở sen lẫn với hoa xentrong hồ.

.....

(2) Con chim xẻ đậu trên sà nhà bỗng xà suồng xát đất rồi bay vụt qua cửa xô.

.....

.....

b) Viết lại các từ ngữ sau khi điền vào chỗ trống **ai** hoặc **ay**:

- gà m...../.....

- xe m...../.....

- bàn ch...../.....

- nước ch...../.....

2. Đặt câu với mỗi từ chỉ đặc điểm:

a) chăm chỉ

.....

b) xanh mướt

.....

c) tròn xoe

.....

Câu 3: Tìm từ trái nghĩa với mỗi từ sau:

- khỏe -

- to -

- thấp -

Câu 4: Câu “**Cò ngoan ngoan**” được viết theo mẫu câu nào dưới đây?

a. Ai là gì?

b. Ai làm gì?

c. Ai thế nào?

Câu 5: Hãy đặt một câu theo mẫu : Ai làm gì ? để nói về hoạt động của học sinh.

.....

Câu 6: Tìm các từ chỉ con vật trong câu truyện trên? (0, 5 điểm)

.....

.....

B. Phần tập làm văn

Hãy viết một đoạn văn ngắn từ 4-5 câu để kể về gia đình của em theo gợi ý sau:

- Gia đình (tổ ấm) của em gồm có mấy người? Đó là những ai?
- Công việc của mọi người thế nào?
- Lúc rảnh rỗi, mọi người trong gia đình em thường làm gì?
- Cuối tuần, gia đình em sẽ làm gì?
- Em cảm thấy như thế nào khi được sống trong gia đình của mình?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

B. TOÁN

A. Trắc nghiệm:

Chọn câu trả lời đúng:

Câu 1: Tìm x, biết $x - 39 = 39$

A. $x = 62$ B. $x = 78$ C. $x = 68$ D. $x = 82$

Câu 2: $42 + 38 - 50 = \dots$

Số cần điền vào chỗ chấm là:

A. 20 B. 25 C. 40 D. 30

Câu 3: Số tháng trong một năm là:

A. 10 tháng B. 11 tháng C. 12 tháng D. 13 tháng

Câu 4: $4 \times 6 - 20 = \dots$

Số cần điền vào chỗ chấm là:

A. 4 B. 10 C. 8 D. 16

Câu 5 : Tính nửa dài nửa vòng gấp khúc ABC biết nửa dài các nửa thẳng lần lượt là: 2cm, 2dm, 30cm

A. 34cm B. 70cm C. 52cm D. 52dm

Câu 6: Trong hình bên:

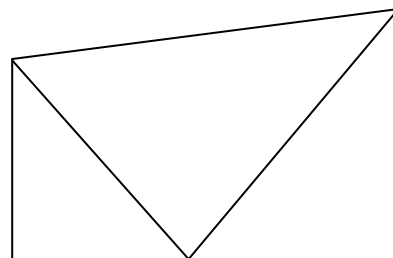
- Có mấy hình tứ giác?

A. 2 hình

B. 3 hình

C. 4 hình

D. 5 hình



B. Tự luận

Bài 1: Tính

$$3 \times 2 = \quad 2 \times 7 = \quad 5 \times 8 = \quad 2 \times 9 =$$

$$4 \times 5 = \quad 5 \times 5 = \quad 3 \times 7 = \quad 4 \times 4 =$$

Bài 2: Điền dấu $>$, $<$, $=$ vào chỗ chấm:

$$\begin{array}{l} \text{a/ } 4 \times 6 \dots\dots 4 \times 5 \\ \text{b/ } 4 \times 8 \dots\dots 6 \times 7 \end{array}$$

$$\begin{array}{l} 3 \times 4 \dots\dots 4 \times 3 \\ 4 \times 7 \dots\dots 3 \times 10 \end{array}$$

Bài 3: Tìm X

$$\text{a/ } 4 \times X = 40$$

$$\text{b/ } 7 + X = 20$$

.....

Bài 4: Tính

$$\text{a/ } 3 \times 10 + 20 = \dots\dots\dots$$

$$\text{b/ } 2 \times 8 + 29 = \dots\dots\dots$$

.....

Bài 5:

Mỗi học sinh được mượn 3 quyển truyện. Hỏi 8 học sinh được mượn bao nhiêu quyển truyện?

Tóm tắt

Bài giải

Bài 6: Số ?

$$\text{a/ } 1 \text{ giờ} = \dots\dots\dots \text{phút}$$

$$\text{b/ } 1 \text{ giờ } 15 \text{ phút} = \dots\dots\dots \text{phút}$$

$$\text{c/ } 2 \text{ giờ } 20 \text{ phút} = \dots\dots\dots \text{phút}$$

$$\text{d/ } 85 \text{ phút} = \dots\dots\dots \text{giờ } \dots\dots\dots \text{phút}$$